

UBND XÃ QUẢNG ĐỨC  
TRƯỜNG MẦM NON QUẢNG THỊNH

**ĐỘ TUỔI: NHÓM TRẺ: 18 - 24 THÁNG TUỔI**

*(Kèm theo kế hoạch số 225/KH-MNQT ngày 25 tháng 08 năm 2025 của Trường Mầm non Quảng Thịnh)*

**I. MỤC TIÊU NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG**

MÃ HÓA MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	GHI CHÚ
<b>Tổ chức ăn</b>			
CS1	Trẻ được ăn số lượng bữa ăn phù hợp với chế độ ăn của độ tuổi	- Tổ chức số lượng bữa ăn: Hai bữa chính, 1 bữa phụ - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn đáp ứng nhu cầu năng lượng được khuyến nghị. + Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày + Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày + Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày	
CS2	Trẻ được ăn đúng khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi + Nhu cầu khuyến nghị năng lượng / ngày / trẻ 930- 1000 Kcal Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường /ngày/trẻ là: 600-651Kcal.	
CS3	Trẻ được ăn theo đúng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương	- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa	

<b>CS4</b>	Trẻ được uống đủ nước theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho trẻ uống nước: Khoảng 0,8- 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).</li> <li>- Uống nước theo nhu cầu</li> <li>- Khuyến khích trẻ uống đủ nước theo khuyến nghị.</li> </ul>	
<b>Tổ chức ngủ</b>			
<b>CS5</b>	Trẻ được ngủ đủ giấc buổi trưa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc trưa khoảng 150 phút theo đúng quy định</li> </ul>	
<b>Vệ sinh</b>			
<b>CS6</b>	Trẻ được chăm sóc vệ sinh cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh cá nhân hàng ngày</li> <li>+ Vệ sinh da: Lau tay, rửa mặt</li> <li>+ Vệ sinh răng miệng: Xúc miệng sau khi ăn</li> <li>+ Vệ sinh quần áo, giày dép: Thay quần áo cho trẻ khi cần thiết, giày dép mềm mỏng nhẹ, dễ cởi, có quai đi lại dễ dàng.....</li> </ul>	
<b>CS7</b>	Trẻ được sinh hoạt trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Môi trường nhóm lớp</li> <li>+ Lau dọn thông thoáng phòng học</li> <li>+ Nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, đủ ánh sáng, an toàn thuận tiện</li> <li>- Vệ sinh đồ dùng đồ chơi</li> <li>+ Vệ sinh đồ dùng: thùng, bình đựng nước, bát, thìa ca cốc phục vụ ăn uống đảm bảo sạch sẽ hợp vệ sinh.</li> <li>- Đồ dùng trong lớp lau thường xuyên sạch sẽ, gọn gàng</li> <li>+ Vệ sinh khi đi bộ: Rửa bộ sạch sẽ</li> <li>+ Vệ sinh đồ chơi: Đồ chơi đảm bảo an toàn, sạch sẽ khi trẻ chơi</li> </ul>	

<b>Chăm sóc sức khỏe và an toàn</b>		
<b>CS8</b>	Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học.	- Phối hợp với trạm y tế khám sức khỏe định kỳ 2 lần /năm học
	Trẻ được cân đo và theo dõi đánh giá sự phát triển theo quy định. + Trẻ dưới 24 tháng: cân 1 tháng/ lần, đo 3 tháng/ lần + Trẻ 24 tháng: 3 tháng/lần	- Tổ chức cân, đo trẻ theo quy định. - Theo dõi sự phát triển của trẻ trên biểu đồ tăng trưởng - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì + Xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng , béo phì cho trẻ + Cân 1 lần /tháng đối với trẻ suy dinh dưỡng béo phì.
<b>CS9</b>	Trẻ được phòng tránh các bệnh thường gặp và theo dõi tiêm chủng theo quy định	- Thường xuyên thực hiện các biện pháp phòng tránh các bệnh thường gặp ở trẻ: Thủy đậu, chân tay miệng, sởi... - Kiểm tra, theo dõi, cập nhật thông tin tiêm chủng của trẻ vào sổ sức khỏe, các phần mềm - Phối hợp với y tế nhắc phụ huynh đưa trẻ tiêm chủng (Nếu chưa tiêm đầy đủ)
<b>CS10</b>	Trẻ được bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp	- Tạo không gian xanh - sạch – đẹp an toàn – thân thiện - Làm quen một số kỹ năng phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho trẻ trong thời gian trẻ ở trường, lớp.

## II. MỤC TIÊU NỘI DUNG GIÁO DỤC

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG	GHI CHÚ
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	<b>A. PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG</b>			
	<b>1. Trẻ khỏe mạnh, chiều cao và cân nặng phát triển bình thường theo lứa tuổi:</b>			
	MT1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</li> <li>+ Cân nặng: Trẻ trai: 9,7 - 15,5 kg Trẻ gái: 9,1 - 14,8 kg</li> <li>+ Chiều cao: Trẻ trai: 81,7- 93,9 cm Trẻ gái: 80,0 - 92,9 cm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu của trẻ theo độ tuổi.</li> <li>+ Khám sức khỏe định kỳ theo qui định.</li> <li>+ Cân đo theo định kỳ.</li> <li>+ Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác.</li> </ul> <p style="color: red;"><i>- Tổ chức các hoạt động phù hợp để phát triển thể chất cho trẻ: tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản, các trò chơi vận động, các hoạt động thể dục... phù hợp với lứa tuổi.</i></p>	
<b>2. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>				
MT2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang</li> </ul>	<p style="color: red;"><i>* Tập kết hợp các bài hát theo chủ đề, bài hát và bản nhạc nước ngoài, có tiết tấu nhanh chậm, bài tập nhịp điệu, một số vận động, trò chơi sáng tạo</i></p>		

			<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hô hấp: Tập hít thở; <i>ngửi hoa, thổi bóng, thổi nơ, Gà gáy, ...</i></li> <li>+ Tay: Giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau.</li> <li>+ Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên.</li> <li>+ Chân: Dạng sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.</li> </ul>	
<b>3. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất ban đầu</b>				
<b>MT3</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên 2 tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi, chạy:</li> <li>+ Đi theo hướng thẳng</li> <li>+ Đi trong đường hẹp.</li> <li>+ Đi bước qua vật cản (cao 5cm)</li> <li>+ Đi có mang vật trên tay và đi hết đoạn đường 1,8-2m</li> <li>+ Đi theo hiệu lệnh</li> <li>+ Đi bước qua dây</li> <li>+ <i>Đi theo đường ngoằn ngoèo</i></li> <li>+ Chạy theo hướng thẳng</li> <li>+ Chạy theo cô</li> <li>+ Tập bước lên, xuống bậc thang (có sự giúp đỡ)</li> <li>+ Bước lên xuống có bậc vịn</li> </ul>	

	<b>MT4</b>	- Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tung, ném:</li> <li>+ Ngồi lăn bóng</li> <li>+ Đứng ném, tung bóng</li> <li>+ Tung bóng qua dây</li> <li>+ Tung bóng bằng hai tay</li> <li>+ Ném bóng qua dây (cách mặt đất 70cm)</li> <li>+ Lăn - bắt bóng với cô.</li> <li>+ Lăn – bắt bóng với bạn.</li> <li>+ Lăn bóng qua cổng theo khả năng</li> <li>+ Ném bóng vào rổ</li> </ul>	
	<b>MT5</b>	- Phối hợp tay, chân cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập bò, trườn:</li> <li>+ Bò, trườn tới đích</li> <li>- Bò, trườn tới đích cách 120cm</li> <li>+ Bò chui (dưới dây, gậy kê cao)</li> <li>+ Trườn về phía trước</li> <li>+ Bò có mang vật trên lưng</li> <li>+ <i>Bò chui qua cổng (Theo khả năng)</i></li> <li>+ <i>Trườn qua vật cản (theo khả năng)</i></li> </ul>	
	<b>MT6</b>	- Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng 1 tay lên phía	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ném bóng về phía trước</li> <li>+ Ném bằng 1 tay lên phía trước.</li> </ul>	

	trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	(khoảng 1,2m) + Đá bóng lăn xa. (tối thiểu 1,5m).	
<b>4. Thực hiện vận động, cử động của bàn tay, ngón tay</b>			
<b>MT7</b>	- Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật, Đóng mở nắp có ren .... - Vạch các nét nguyệt ngoạc bằng ngón tay. - Nhặt com rơi vãi.	
<b>MT8</b>	- Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	+ Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. + Xếp chồng 4 - 5 khối. - Xếp chồng 2-3 khối trụ	
<b>B. GIÁO DỤC DINH DƯỠNG - SỨC KHỎE</b>			
<b>1. Có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt</b>			
<b>MT9</b>	- Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau. - Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, ăn thức ăn chín, uống chín.	
<b>MT10</b>	- Ngủ một giấc buổi trưa.	- Làm quen với chế độ ngủ một giấc buổi trưa. - Tổ chức cho trẻ ngủ trưa đúng quy định.	

	<b>MT11</b>	- Biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn và có nhu cầu khi đi vệ sinh	
<b>2. Thực hiện một số việc tự phụ c vụ, giữ gìn sức khỏe</b>				
	<b>MT12</b>	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	+ Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. + Tập ngồi vào bàn ăn + Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. + Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. + Làm quen với rửa tay, lau mặt. <i>- Tự đi dép, xếp dép đúng nơi quy định</i>	
<b>3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</b>				
	<b>MT13</b>	- Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun..)	

	<b>MT14</b>	- Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế....) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế, chơi nghịch các vật sắc nhọn....)	
<b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>	<b>1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</b>			
	<b>MT15</b>	- Sờ, nắn, nhìn, nghe,..., để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	+ Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. + Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh. + Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh + Ngửi mùi của một số hoa, quả, con vật gần gũi (Quả cam, dưa hấu, thịt...). + Nếm vị của một số quả, thức ăn. - Quan sát các hiện tượng thiên nhiên, các đồ vật, con vật, cây, hoa quả...	
	<b>2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</b>			
	<b>MT16</b>	- Trẻ có thể bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi,	- Bắt chước hành động đơn giản của những người thân. - Tham gia các trò chơi “Bé em”, “Gọi điện thoại”, “xây nhà”, “bác sỹ”, “Chơi nấu ăn”, “Bán hàng”, “Bác tài xế”...	

	<b>MT17</b>	- Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc.	
	<b>MT18</b>	- Trẻ có thể nói được tên bản thân và của bố mẹ khi được hỏi.	- Trẻ nói được tên của bản thân khi được hỏi - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình và nhóm/ lớp	
	<b>MT19</b>	- Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của con người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể của bản thân và người khác: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Hình ảnh của bản thân trong gương. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân.	
	<b>MT20</b>	- Chỉ/ lấy/ nói tên đồ dùng, đồ chơi quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi.	
	<b>MT21</b>	- Chỉ/ lấy/nói tên hoa quả quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên và một vài đặc điểm nổi bật của hoa, quả quen thuộc.	
	<b>MT22</b>	- Chỉ/ lấy/ nói tên con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của con vật gần gũi.	

	<b>MT23</b>	- Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, xanh - Kích thước to - nhỏ. - Thực hiện theo yêu cầu của cô hoặc người lớn.	
<b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>	<b>1. Nghe hiểu lời nói</b>			
	<b>MT24</b>	- Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; đi rửa tay...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	
	<b>MT25</b>	- Hiểu được từ “không”: Dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ!”.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy!”; “Không được sờ”,...	
	<b>MT26</b>	- Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây? Con gì đây? Cái gì đây?”...	- Nghe/Trả lời các câu hỏi: Ở đâu ? Con gì? Thế nào? (gà gáy thế nào) cái gì/làm gì? - Đặt các câu hỏi: Làm gì? Con gì đây? Cái gì đây? Ở đâu? Thế nào? - Trẻ nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, bài hát, truyện kể đơn giản theo tranh. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.	

<b>2. Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</b>		
<b>MT27</b>	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Trẻ phát âm các âm khác nhau - Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trả lời và đặt câu hỏi: “con gì?”, “làm gì?”, “cái gì?”.
<b>MT28</b>	- Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo cô tiếng cuối của câu thơ - Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ
<b>3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp</b>		
<b>MT29</b>	- Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: Con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm;...	- Nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: Con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm;...
<b>MT30</b>	- Trẻ chủ động nói được nhu cầu mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...)	- Chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...) - Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng 1 từ, câu đơn giản
<b>4. Làm quen với sách</b>		
<b>MT31</b>	- Trẻ biết mở sách, xem tranh, hình ảnh gần gũi quen thuộc, màu sắc tươi sáng.	- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh và nói.

<b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ</b>	<b>1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</b>			
	<b>MT32</b>	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân. - Chỉ vào hình ảnh của trẻ trong gương và hỏi trẻ: Ai đây?	
	<b>2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi</b>			
	<b>MT33</b>	- Biểu lộ được sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh - Giao tiếp với cô và bạn, người thân.	
	<b>MT34</b>	- Trẻ có thể nhận biết và biểu lộ trạng thái cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.	- Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	
	<b>MT35</b>	- Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Quan tâm đến các con vật nuôi. - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi.	
	<b>3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản</b>			
	<b>MT36</b>	- Chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như chào hỏi, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ: ạ, dạ.	
	<b>MT37</b>	- Bắt chước được một vài hành vi xã hội (bé búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi ôm ấp, vỗ về búp bê....).	

			- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi: Bê búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại, lái ô tô...	
	<b>MT38</b>	- Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện một số qui định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. -Thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	
<b>4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh</b>				
	<b>MT39</b>	- Thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ - Nghe những bản nhạc không lời - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc: Giậm chân, lắc lư, vỗ tay...	
	<b>MT40</b>	- Thích xếp hình, nặn, xé, khâu hạt	- Chơi xếp hình: Xếp chồng, xếp cạnh các khối. - Chơi với đất nặn. - Chơi xé giấy: Tự do xé theo ý thích.	
	<b>MT41</b>	- Thích vẽ, xem tranh.	- Tập cầm bút tô. - Xem tranh.	

### III. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	Tên chủ đề	Các sự kiện	Số tuần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Bé và các bạn	- Ngày hội đến trường của bé	4 tuần	05/9 - 03/10	
2	Đồ chơi của bé	- Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	4 tuần	06/10 - 31/10	
3	Các cô các bác trong nhà trẻ	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	4 tuần	03/11 - 28/11	
4	Cây và những bông hoa đẹp	- Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22/12	4 tuần	01/12 - 26/12	
	Bé và những người thân	- Kết thúc học kỳ 1(Tuần 18 ngày 09/01/2026)	4 tuần	29/12/2025-23/01/26	
5	Tết và mùa xuân	Tết và mùa xuân (Nghỉ tết Nguyên Đán từ ngày 16/02/2026-28/02/2026)	4 tuần	26/01-06/03/26	
7	Những con vật đáng yêu		4 tuần	09/3 - 03/4	
8	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì?		4 tuần	06/4 - 01/5	
9	Mùa hè của bé	- Ngày giải phóng Miền nam 30/4 - Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/05	3 tuần	04/5-22/5	

\*Ghi chú: MT phát triển, phát triển nội dung nhỏ được ký hiệu là in nghiêng, bôi đỏ.

Quảng Đức, ngày 25 tháng 8 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Nguyệt**

